

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 01 tháng 04, 2026

Xem thêm 

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

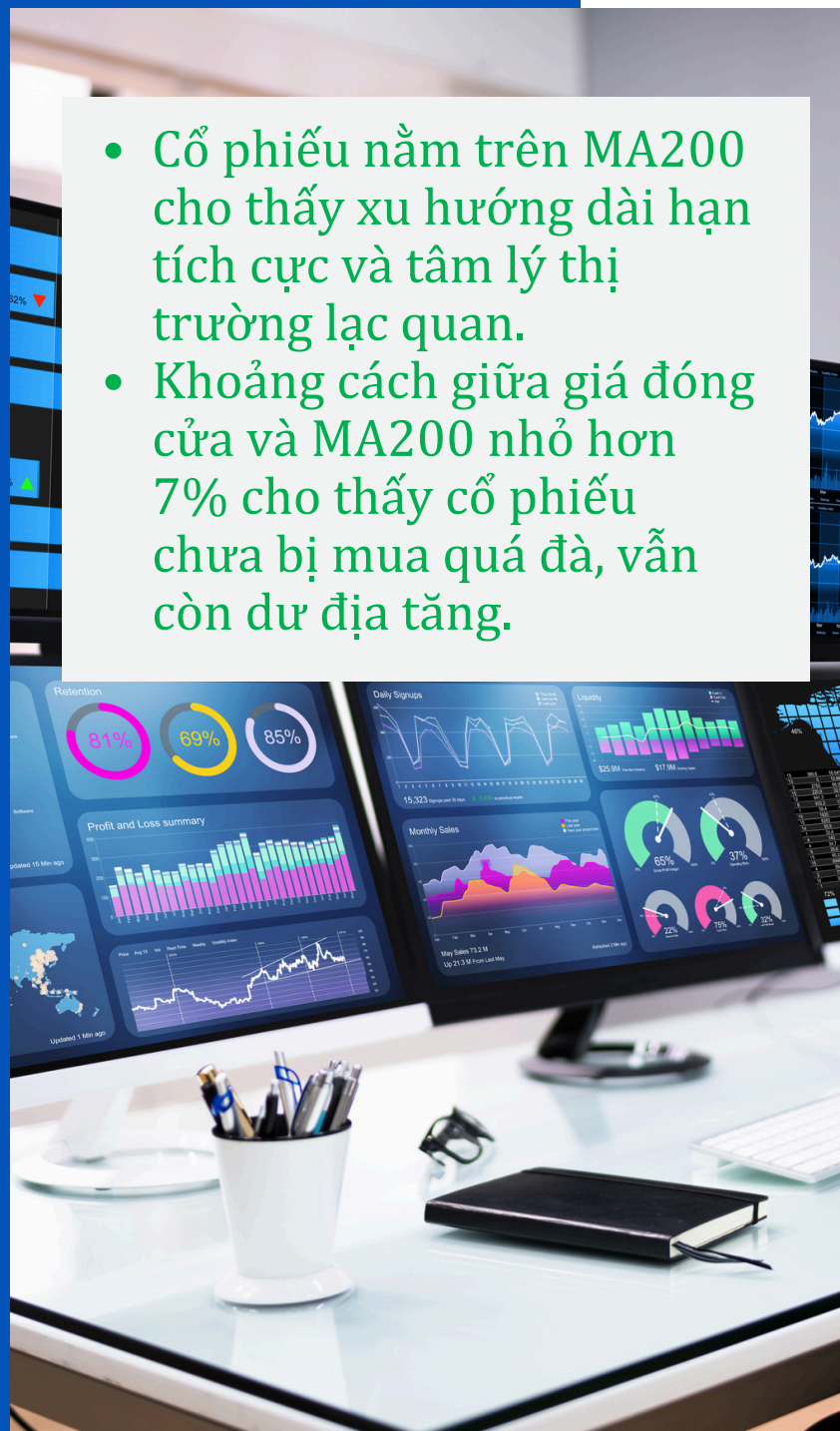


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VRC	31/03/2026	14	1.004.100	114.783	8.75
2	SMC	31/03/2026	12.5	846.600	221.403	3.82
3	TTA	31/03/2026	11.8	2.135.300	743.417	2.87
4	BSI	31/03/2026	36.35	912.500	405.093	2.25
5	SHI	31/03/2026	14	933.800	420.623	2.22
6	GEE	31/03/2026	197.5	2.040.300	927.353	2.2
7	HUT	31/03/2026	17.3	5.614.500	2.573.390	2.18
8	BVB	31/03/2026	12.4	3.168.800	1.473.710	2.15
9	HHS	31/03/2026	13.9	5.442.200	2.599.960	02.09
10	HHP	31/03/2026	12.9	2.525.500	1.236.017	02.04
11	TCH	31/03/2026	17.04	18.683.800	9.776.967	1.91
12	VFS	31/03/2026	14.5	4.541.800	2.385.033	1.9
13	TCO	31/03/2026	14	850.500	476.383	1.79
14	QTP	31/03/2026	13	2.116.100	1.182.700	1.79
15	REE	31/03/2026	68.5	2.455.900	1.377.300	1.78
16	MIG	31/03/2026	20.1	602.700	373.583	1.61
17	MZG	31/03/2026	13.2	1.113.000	707.140	1.57
18	EIB	31/03/2026	23.6	16.665.300	10.942.127	1.52
19	SHB	31/03/2026	15.55	96.443.040	66.406.904	1.45
20	DPG	31/03/2026	42.2	1.094.100	782.010	1.4
21	CTS	31/03/2026	27.35	1.194.400	863.270	1.38
22	MBS	31/03/2026	24.1	8.533.400	6.318.400	1.35
23	PDR	31/03/2026	16.35	13.963.500	10.323.773	1.35
24	VTP	31/03/2026	96.4	681.800	541.067	1.26
25	CII	31/03/2026	18.6	17.970.800	14.502.820	1.24
26	VND	31/03/2026	15.8	16.215.300	13.311.437	1.22
27	GEG	31/03/2026	16.55	2.493.700	2.086.573	1.2
28	SBT	31/03/2026	22.07	691.800	579.363	1.19



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CRC	31/03/2026	9.94	4.307.310	56.09	9.87	0.72
2	CTG	31/03/2026	34.6	8.794.350	46.9	34.45	0.44
3	DGW	31/03/2026	45.8	1.920.170	52.41	43.61	05.03
4	DPR	31/03/2026	39.9	573.450	47.27	38.86	2.67
5	GAS	31/03/2026	78.3	2.257.010	34.62	74.23	5.48
6	GEG	31/03/2026	16.55	3.135.110	55.68	15.06	6.1
7	GVR	31/03/2026	31.7	4.212.980	43.82	30.59	3.64
8	HAG	31/03/2026	16.4	5.967.710	60.17	16.03	2.28
9	HDB	31/03/2026	25.45	13.981.650	46.58	24.08	5.69
10	HDG	31/03/2026	29.6	4.100.420	57.82	28.56	3.64
11	HPG	31/03/2026	26.9	32.600.740	51.22	26.75	0.56
12	HUT	31/03/2026	17.3	3.516.920	61.03	16.41	5.39
13	MBB	31/03/2026	26.45	15.522.880	50.31	24.79	6.69
14	MWG	31/03/2026	81.8	7.890.870	47.97	78.85	3.75
15	PAC	31/03/2026	26.25	1.456.270	55.36	24.99	05.06
16	PAN	31/03/2026	31.7	1.150.480	54.97	30.33	4.51
17	POW	31/03/2026	13	12.569.800	44.03	12.59	3.27
18	PPC	31/03/2026	10.55	1.321.160	51.16	10.28	2.6
19	PVP	31/03/2026	14.85	500.850	44.05	14.57	1.92
20	QTP	31/03/2026	13	1.937.520	46.89	12.27	5.96
21	REE	31/03/2026	68.5	2.283.030	59.08	64.04	6.96
22	TTA	31/03/2026	11.8	1.289.340	54.94	11.1	6.29
23	VHC	31/03/2026	59	567.850	48.49	57.38	2.82
24	VHM	31/03/2026	103	3.823.240	52.59	100.87	2.11
25	VJC	31/03/2026	156	1.300.080	43.7	154.94	0.68
26	VPI	31/03/2026	57.5	2.270.310	49.55	55.78	03.08
27	VSC	31/03/2026	23.7	4.612.350	47.86	23.62	0.32





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	14.8	14.6	1.042.070
2	DXS	7.43	7.23	2611930
3	MST	9	8.7	3.851.660
4	PET	50.7	48.5	2.095.330
5	TAL	46	45	230880

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	8.4	7.7	1.138.190
2	DVM	7.1	7	446.590
3	HHS	13.9	13.55	3616210
4	HNM	8.1	8.1	349.530

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BSA	20.8	20.9	13.040
2	GCF	21.4	21.7	81.650
3	HVA	5.6	5.8	109.010
4	PXL	13.6	13.7	91.330
5	SCG	62.8	63.2	22.890
6	TNH	10.05	10.1	87.810
7	VVS	108	115.8	313.500

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GCF	21.4	21	81.650
2	HVA	5.6	5	109.010
3	SCG	62.8	62.7	22.890
4	TNH	10.05	9.98	87.810
5	VVS	108	107.7	313.500



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.94	9.87	4.307.310
2	CTG	34.6	34.45	8.794.350
3	VSC	23.7	23.62	4612350

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BVB	12.4	12.03	1.062.340
2	CTG	34.6	34.45	8.794.350
3	DPG	42.2	41.59	532670
4	DRH	2.64	2.61	568.490
5	HDB	25.45	25.31	13.981.650
7	MWG	81.8	81.42	7890870
8	TCB	30.7	30.45	9606220
9	TPB	16.3	16.14	9363520
10	TTF	2.69	2.68	573240
11	VGC	46.9	45.27	966340
12	VIX	16.65	16.53	28461380

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	GEX	37	36.57	7.462.580
2	HHV	12.3	12.21	6.009.190
3	PVX	2	1.89	4591860
4	VCI	26.7	26.67	12.269.730
5	VSC	23.7	23.46	4.612.350



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DRI	12.2	12.5	642.040
2	PLX	40.4	40.43	5.777.590

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DPM	29.85	30.06	8.441.430
2	HHP	12.9	13.35	1.271.500
3	PVC	17.3	18.23	2561900
4	QTP	13	13.32	1.937.520
5	VJC	156	156.16	1.300.080

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HHP	12.9	13.4	1.271.500



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPT	31/03/2026	15.4	15.1	15.7	3.97	209,220
2	SJD	31/03/2026	14.5	13.7	14.25	04.01	102,200
3	SSB	31/03/2026	16.95	16.3	17	4.29	1,882,540
4	VTZ	31/03/2026	20.1	19.7	20.6	4.57	1,164,340
5	SCG	31/03/2026	62.8	62.7	65.6	4.63	23,680
6	SBG	31/03/2026	11.6	11.35	11.9	4.85	22,440
7	SBB	30/03/2026	16	15.4	16.2	5.19	8,220
8	ODE	31/03/2026	44.6	43.8	46.3	5.71	17,220
9	MCM	31/03/2026	25.6	25	26.45	5.8	12,600
10	BAF	31/03/2026	34.8	33.5	35.5	5.97	1,818,680
11	VSH	31/03/2026	43.3	42	44.6	6.19	11,800
12	OCB	31/03/2026	11.15	10.6	11.3	6.6	1,228,860
13	MSB	31/03/2026	11.55	10.9	11.7	7.34	6,656,820
14	GDT	31/03/2026	19	18.75	20.2	7.73	5,660
15	ADP	31/03/2026	22.9	22.4	24.2	8.4	7,700
16	VAB	31/03/2026	10.1	9.5	10.3	8.42	219,280
17	VLS	31/03/2026	16.4	16.2	17.6	8.64	6,380
18	PGB	31/03/2026	12	11.5	12.5	8.7	11,240
19	CLH	31/03/2026	22.6	20.9	22.8	9.9	8,960
20	GIC	31/03/2026	10.2	9.8	10.7	9.18	10,620
21	TBC	31/03/2026	35.65	34.7	37.9	9.22	5,260
22	SBA	31/03/2026	28.5	27.6	30.2	9.42	6,480
23	RYG	31/03/2026	11.25	10.3	11.3	9.71	185,120
24	TNH	31/03/2026	10.05	9.98	10.95	9.72	88,380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009